

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Ông **Phan T**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: C B, tổ D, phường C, thành phố Đà Nẵng;

- Bà **Phạm Thị Kim Q**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: C B, tổ D, phường C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông Phan T và bà Phạm Thị Kim Q kết hôn vào ngày 31/5/2006 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai bên không hợp nhau, vợ chồng sống không tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã vì bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong mọi việc.

Đến nay vợ chồng không còn tình cảm, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà Q đã đến mức trầm trọng, cuộc sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về con chung: Ông Phan T và bà Phạm Thị Kim Q xác định vợ chồng có 03 con chung tên Phan Khánh H, sinh ngày 25/02/2007; Phan Công Nam K, sinh ngày 01/11/2012 và Phan Công Nam K1, sinh ngày 17/08/2017. Thuận tình ly hôn; ông T và bà Q thống nhất thỏa thuận giao 02 con Phan Công Nam K và Phan Công N Khoa cho bà Phạm Thị Kim Q được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông Phan T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 6.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/8/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

Riêng con Phan Khánh H hiện nay đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường nên không đề cập đến.

[3] Về tài sản chung: Ông Phan T và bà Phạm Thị Kim Q không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về nợ chung: Ông Phan T và bà Phạm Thị Kim Q không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[5] Lệ phí Tòa án: Ông Phan T và bà Phạm Thị Kim Q mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan T và bà Phạm Thị Kim Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thống nhất thỏa thuận; giao 02 con Phan Công Nam K, sinh ngày 01/11/2012 và Phan Công Nam K1, sinh ngày 17/8/2017 cho bà Phạm Thị Kim Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Phan T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 6.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/8/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Riêng con Phan Khánh H hiện nay đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Bên không nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Phan T và bà Phạm Thị Kim Q không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Ông Phan T và bà Phạm Thị Kim Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Phan T và bà Phạm Thị Kim Q tự nguyện chịu. Ông T và bà Q đã nộp đủ lệ phí theo biên lai số 0000017 ngày 03/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3- Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3- Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ (cũ), TP. Đà Nẵng;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyền số 01/2006, đăng ký ngày 31/5/2006);
- Lưu hồ sơ.

Lê Văn Lâm